

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2025
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tư

Bà Nguyễn Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đông Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị P - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 04-12-2024).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Phúc V - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 02-01-2025).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-10-2024, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Trương Thị P trình bày: bà P và ông Trần Phúc V cưới nhau năm 2010, đăng ký kết hôn ngày 31-12-2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) M, huyện Đ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống nên thường xuyên gây cãi nhau, mất hạnh phúc gia đình. Ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không chăm lo cho gia đình. Bà P và ông V đã sống riêng với nhau từ tháng 8 năm 2024 đến nay. Về hôn nhân: bà P yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Ngọc Bảo N (sinh ngày 17-10-2012) và Trần Trung K (sinh ngày 24-11-2016). Bà P yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Trung K (hiện đang sống với bà P) và đồng ý giao con chung tên Bảo N (hiện đang sống với ông V) cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Theo bản tự khai ngày 02-01-2025, các văn bản tiếp theo, bị đơn ông Trần Phúc V trình bày: Ông V thống nhất với bà P về điều kiện kết hôn. Ông V cho rằng vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng từ tháng 8 năm 2024 bà P bỏ nhà ra đi, sau đó nộp đơn ly hôn. Ông V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P. Về con chung: ông V đồng ý nuôi con chung tên Bảo N (hiện đang sống với ông V), đồng ý để bà P nuôi con chung tên Trung K (hiện đang sống với bà P), không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: bà Trương Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Phúc V. Ông V cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà P và ông V đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà P: bà P và ông V xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 31-12-2010 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông V là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà P cho rằng ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên gây cãi nhau. Ông V cho rằng không có mâu thuẫn nhưng bà P tự ý bỏ nhà ra đi rồi nộp đơn ly hôn nên ông cũng đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa bà P và ông V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà P có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Bà P và ông V thống nhất có 02 con chung tên Trần Ngọc Bảo N (sinh ngày 17-10-2012) và Trần Trung K (sinh ngày 24-11-2016). Khi ly hôn bà P trực tiếp nuôi con chung tên Trung K (hiện đang sống với bà P), ông V trực tiếp nuôi con chung tên Bảo N (hiện đang sống với ông V), không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là quyền tự định đoạt của các đương sự, không trái pháp luật và đạo

đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của các con chung của bà P và ông V nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung: Bà P và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: bà P và ông V cho rằng không có nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản và nợ.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà P và ông V thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị P đối với ông Trần Phúc V về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: Ghi nhận việc bà Trương Thị P và ông Trần Phúc V thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận việc thỏa thuận của bà Trương Thị P và ông Trần Phúc V về việc: Bà Trương Thị P được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Trung K, sinh ngày 24-11-2016, hiện đang sống với bà P. Ông Trần Phúc V được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 17-10-2012, hiện đang sống với ông V. Ghi nhận tạm thời việc bà P và ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà P, ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà P, ông V được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trương Thị P phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004723 ngày **11-10-2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ. Ông Trần Phúc V phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã M (*ghi số hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên